

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NAM SÁCH**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định của các cấp có thẩm quyền về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách quý II của trường tiểu học Nam Sách năm 2025 (theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

**Điều 3.** Kế toán trường Tiểu học Nam Sách và cán bộ, nhân viên có liên quan, căn cứ Quyết định thi hành./.

*Nơi nhận:*

- Phòng Tài chính-KH;
- Lưu VT

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đỗ Thị Hiền**

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
 dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán năm       | Ước thực hiện quý II/2025 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|------------|----------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                 | 4                         | 5                                   | 6                                                               |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                   |                           |                                     |                                                                 |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                   |                           |                                     |                                                                 |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                   |                           |                                     |                                                                 |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                   |                           |                                     |                                                                 |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>12.297,731</b> | <b>3.152,651</b>          | <b>70,070</b>                       | <b>768,225</b>                                                  |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  |                   |                           |                                     |                                                                 |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                   |                           |                                     |                                                                 |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |                           |                                     |                                                                 |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |                           |                                     |                                                                 |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | <b>12.297,731</b> | <b>3.152,651</b>          | <b>70,070</b>                       | <b>768,225</b>                                                  |
| 2.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 11.856,508        | 2.953,392                 | 24,91                               | 126,49                                                          |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 441,223           | 199,259                   | 45,16                               | 641,73                                                          |